

Số: 113/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình đã thụ lý số 602/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 06 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Ông Phạm Ngọc Q, sinh ngày 19/02/1966, CCCD: 034066007562

2. Bà Phan Thị H, sinh ngày 14/5/1977, CCCD: 034177010115

Cùng địa chỉ: D, khu phố D, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: “Về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Phan Thị H và ông Phạm Ngọc Q chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận A (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 125, quyền số 01/2014, cấp ngày 27/11/2014. Nay ông Q – bà H yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Khánh N, sinh ngày 14/12/2016.

Ông Phạm Ngọc Q và bà Phan Thị H thống nhất giao con chung là Phạm Khánh N, sinh ngày 14/12/2016 cho bà Phan Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Phạm Ngọc Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Phạm Ngọc Q và bà Phan Thị H trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Phạm Ngọc Q và bà Phan Thị H trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về lệ phí: Ông Phạm Ngọc Q và bà Phan Thị H cùng chịu theo biên lai đóng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp cho Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc Q và bà Phan Thị H thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 125, quyển số 01/2014, do Ủy ban nhân dân phường A, Quận A (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 27 tháng 11 năm 2014 không còn giá trị.

- Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Khánh N, sinh ngày 14/12/2016.

Ông Phạm Ngọc Q và bà Phan Thị H thống nhất giao con chung là Phạm Khánh N, sinh ngày 14/12/2016 cho bà Phan Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Phạm Ngọc Q do bà Phan Thị H1 chưa có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Ngọc Q và bà Phan Thị H trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Phạm Ngọc Q và bà Phan Thị H trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Phạm Ngọc Q và bà Phan Thị H chịu án phí ly hôn mỗi người là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số 0000094 ngày 12 tháng 06 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Ông Phạm Ngọc Q và bà Phan Thị H đã nộp đủ.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

-TAND TP.HCM;
-VKSND TP.HCM;
-VKSND KV7;
-THADS TPHCM;
-UBND nơi cấp GCN kết hôn;
-Các đương sự;
-Lưu: VT, HS.

Trần Thị Vui